

Một Sự Thật Đẹp Hơn Huyền Thoại

* Những điều ít biết về cô gái trong bài thơ "Núi Đôi" của nhà thơ Vũ Cao

Nhà thơ Vũ Cao trong một lần trò chuyện với khoa Văn Trường CĐSP HN, ông kể: Có nữ sinh đã khóc nói với ông rằng "Bác ơi cháu thương bác quá, vì bác đã mất người yêu". Ông cũng không biết giải thích sao với cô nữ sinh đa cảm. Bài thơ "Núi Đôi" được ông sáng tác nhân lần ông nằm điều trị tại bệnh viện 74 ở Sóc Sơn. Ông đã nghe được câu chuyện từ đồng đội và dân làng Phù Linh về một cô gái đã hy sinh anh dũng ở Núi Đôi để bảo vệ một đoàn cán bộ khi cô mới chỉ chừng 20 tuổi. Vào thời đó, nhiều chuyện thực xung quanh cuộc sống riêng và hoạt động cách mạng của cô ít được biết rõ. Và thế là câu chuyện người ta lưu truyền bằng tình cảm khâm phục và tự hào đã tạo nên một huyền thoại đối với thế hệ trẻ sau này. Năm 1975, có một người đàn ông tìm đến gặp nhà thơ Vũ Cao, lúc đó nhà thơ mới vỡ lẽ: Liệt sỹ Trần Thị Bắc - cô gái Núi Đôi đó đã có chồng, một anh bộ đội Cụ Hồ và chuyện đời, chuyện tình của họ còn cảm động hơn nhiều những gì chúng ta đã nghe kể...

* Vùng đất đã trở thành huyền thoại.

Xuân Dục- Đoài Đông là bên này và bên kia hai ngọn núi đôi, thuộc Xuân Đoài -xã Phù Linh (Lạc Long cũ)- Sóc Sơn-HN. Xuân Đoài gồm có 3 xóm: xóm Núi Đôi-xóm Giữa-xóm Chùa. "Xóm Chùa cháy đỏ những thân cau" chính là quê hương của cô gái Trần Thị Bắc ngày xưa - Cô gái được nhắc đến trong bài thơ "Núi đôi".

Trước những năm 1950, Lạc Long là vùng địch hậu, là trọng điểm giằng co giữa ta và quân Pháp. Núi Đôi vừa chứng kiến những tang tóc đau thương vừa ghi tạc những tấm gương anh dũng của quân và dân ta. Cho đến nay những chứng tích xung quanh Núi Đôi vẫn còn với những bốt lave, Miếu Thờ, Núi Đôi, bốt Thá...Lạc Long có 3 đồn Tây án ngữ giữa xã như chảo lửa và bị cô lập bởi vành đai trắng do địch tạo ra. Trong hoàn cảnh khốc liệt đó, người dân Lạc Long vẫn một lòng kiên trung và đây trở thành một trong những xã tiêu biểu về chiến tranh du kích thời chống Pháp với nhiều tên tuổi được ghi nhận trong đó có ông Nguyễn Văn Vần, xã đội phó từng vác dao chém Tây giữa chợ huyện, lập nhiều chiến công trong các cuộc phá đồn tây và từng là Chiến sỹ thi đua toàn quân...

Trở về Núi Đôi bây giờ hai ngọn núi vẫn còn đó, cây rừng tái sinh đã phủ xanh che đi những sườn núi lở lói sặc mùi thuốc súng năm nào. Những đồn bốt đã rêu phong, trở thành chỗ chơi trốn tìm của trẻ nhỏ... Rừng rưng giữa lối vào xóm Chùa, những đồi thay khiến người ta cảm nhận nỗi đau dường như đã chôn sâu vào lòng người sau hơn nửa thế kỷ trôi đi.

Trong ký ức của những người dân ở đây, điều được nói nhiều nhất lại là huyền thoại về cô gái Núi Đôi. Có những em bé hồn nhiên bảo: "Cô ấy tên là Ngát, là Hương..." Có người bảo cô không có ai thân thích, có người khẳng định "cô ấy chưa hề có người yêu, còn trẻ lắm mới 17-18 tuổi thôi". Chỉ hỏi riêng chuyện: "Anh đi bộ đội "sao trên mũ" ngày ấy là ai?" Mỗi người nói một phách: Là ông A, ông B... Có lẽ thời chiến tranh khốc liệt, chẳng phải ai cũng có điều kiện hiểu về người khác một cách chân tơ kẽ tóc. Song cũng có thể, người ta chỉ muốn nghĩ về cô gái Núi Đôi bằng những thù dệt như trong huyền thoại, tuy sai thực tế, nhưng chung quy cũng vì một sự mến mộ đối với người đã khuất.

* Và một cuộc đời có thật.

Liệt sỹ Trần Thị Bắc là con gái đầu của một gia đình có truyền thống yêu nước. Các bác, các cậu của cô đều là cơ sở của Cách mạng, là du kích. Có người là liệt sỹ, có người từng bị giặc bắt. Bố cô những năm đó cũng là xã đội phó xông pha gan dạ, bị địch bắt tra tấn chết đi sống lại. Lớn lên giữa những người như vậy, mới chỉ 15 tuổi Bắc đã tham gia các hoạt động của các đoàn thể. 17 tuổi cô vào đội du kích với nhiệm vụ làm giao thông liên lạc, tiếp tế cho đội du kích trong những lần đi bắn tỉa đồn Tây. Năm 1950, cô được cử đi học y tá rồi trở về kiêm nhiệm thêm việc cứu thương. Có lần theo đội du kích đi bắn tỉa, cô bị đạn của kẻ thù bắn xướt qua mặt để lại vết thương ngay dưới khoé mắt. Nhưng cô không hề biết sợ hãi.

Là một cô gái xinh đẹp, hát hay và khéo ăn nói, năm 1951, Bắc được giao cả 3 nhiệm vụ: quân báo, cứu thương và binh vận.

Thời đó, người ta thấy có một cô gái hàng ngày quẩy gánh đi buôn bán, chiều chiều lại quanh quẩn quanh khu đồn Tây để cắt cỏ. Những tên lính đồn chẳng những không nghi ngờ mà còn tỏ ra quý mến Bắc. Cô ra vào đồn Tây tương đối dễ dàng, gánh nước giúp bọn lính đồn, lân la trò chuyện với chúng. Bắc làm quen được với những tên Tây chỉ huy để thăm dò tin tức và gây dựng được một nhân mối bao gồm hai cai ngục, một người làm thợ mộc trong đồn Tây và một vợ Tây... Những người này đã thường xuyên cung cấp cho Bắc những thông tin về kế hoạch hoạt động của lính đồn, nhiều điều cơ mật của địch. Với những thông tin quý báu do Bắc đem về, quân ta đã tránh được rất nhiều tổn thất trong cuộc đấu tranh với quân Pháp. Sau này, khi nguy cơ bọn Pháp có thể lần ra nhân mối, cô đã tìm cách đưa hai người cai ngục được giác ngộ chạy thoát ra vùng kháng chiến.

Vào ngày 12/3/1954, nhóm cán bộ của ta họp tại Lương Châu để chuẩn bị cho kế hoạch đánh phục kích địch. Tiên lượng sau khi ta đánh thì địch sẽ tức tối điên cuồng và tổ chức vây ráp càn quét, cấp trên lệnh rút bớt cán bộ nằm vùng ra vùng tự do để tránh tổn thất. Đoàn cán bộ di chuyển ra vùng tự do ngay trong đêm hôm đó gồm có trên 30 người. Bắc được cử dẫn đoàn đi vì hai lẽ: Cô thông thạo địa bàn, gan dạ và khôn khéo trong ứng phó khi có tình huống xấu. Mặt khác, bản thân cô cũng có dấu hiệu bị lộ, nên đã được lệnh chuyển công tác, hoặc sẽ về làm quân báo của huyện đội hoặc về phòng y tế huyện. Ngày 21/3 cũng là ngày Bắc về Núi Đồi thì gặp ổ phục kích của địch. Bọn địch bắt được Bắc, bịt miệng cô dự định ém chờ bắt nốt những người đi sau. Biết điều đó, Bắc đã chống cự quyết liệt. Cô cố kêu to và lao vào tên Tây chỉ huy túm lấy bộ hạ hắn. Tên này đau điếng quên mất việc lớn, kêu rống lên. Một tên lính lê dương đứng cạnh đã lôi Bắc ra và xả trợn bằng đạn vào ngực cô. Đoàn cán bộ của ta ra khỏi Lương Châu nghe tiếng súng biết là bị lộ đã lui lại chờ đến khi địch rút. Khi anh em du kích và quân báo huyện tới nơi Bắc giằng co với địch thì Bắc đã hy sinh. Máu loang đỏ ối trên ngực cô bắt đầu se lại. Những viên đạn của kẻ thù vẫn còn găm nguyên ở đó. Bắc được anh em thay nhau công vượt vành đai trắng ra đến Cầu Cồn-Vệ Sơn-xã Tân Minh và được đồng đội an táng ở đây.

Đội Hoè, chỉ huy quân đồn Miếu Thờ, có mặt trong trận phục kích đó, sau này kể lại: Hôm ấy bọn địch huy động cả lính đông gấp đôi, gồm quân của chốt Núi Đồi và chốt Miếu Thờ vì nghi du kích đang đào hầm hố quanh chốt. Bắc đã lọt vào giữa ổ phục kích, nếu cô không đánh động thì còn nhiều cán bộ bị bắt.

Dân làng thương tiếc Bắc nói với nhau: "Cái Bắc nó muốn sống thì vẫn có cơ hội, vì nó quen biết với bọn Tây, có thể van xin chúng tha cho. Mặt khác, nó cũng mới chỉ bị tình nghi là du kích thôi". Nhưng điều đáng nói lại ở chỗ, Bắc có thể tìm đường thoát cho mình nhưng cô đã chọn cái chết vì những người khác.

Sau này khi Phù Linh được công nhận là xã anh hùng và chuẩn bị xét chọn phong tặng danh hiệu anh hùng đối với một số cá nhân xứng đáng. nhiều người đã có ý kiến: Phải truy tặng danh hiệu anh hùng cho cô gái Núi Đồi năm xưa. Tuy thành tích của liệt sỹ Trần Thị Bắc khiêm nhường hơn những bậc cha chú đi trước nhưng cô lại được lòng dân yêu mến, bởi cô đã sống đẹp và dám chết khi cần thiết. Cũng phải nói thêm, phải đến lần thứ ba chuyển mộ và sau khi bài thơ "Núi Đồi" của nhà thơ Vũ Cao ra đời vào năm 1956, Trần Thị

Bắc mới được công nhận là liệt sĩ. Tuy nhiên trong lòng dân và trong trái tim những người thân đồng đội, Bắc vẫn đẹp và còn mãi.

*** Chuyện tình đẹp nhưng mỏng như lá.**

Anh bộ đội "sao trên mũ" ấy là Trịnh Khanh người cùng quê Lạc Long. Chúng tôi tìm đến thôn Hậu Dương - xã Kim Chung - Đông Anh - Hà Nội. Ông Trịnh Khanh bây giờ đã ngoài 70 tuổi là một lão thành Cách mạng, nguyên Chủ nhiệm khoa Lịch sử, Viện Mác-Lê Nin. Khác với dự đoán của chúng tôi, ông cởi mở nhưng rất đúng mực khi chúng tôi gợi về "một miền ký ức" mà ông ít khi nhắc tới, cả với những người bạn đồng niên.

"Năm ấy đại đội tôi đóng quân ở gần khu sơ tán, tôi tình cờ quen một cô gái đồng hương đang theo học một lớp y tá tại đó. Có chung nhiều điều để chia sẻ, chúng tôi trở nên thân thiết. Nhưng rồi chúng tôi cũng phải xa nhau, mỗi người một nhiệm vụ. Bẵng đi gần hai năm, năm 1952, tôi mới gặp lại Bắc khi cô ấy tiếp tục theo học lớp y tá của tỉnh. Chúng tôi đã hẹn ước với nhau. Trong suốt thời gian đó, Bắc thường xuyên sang chơi, nấu cơm cho cả mấy anh em trong tiểu đoàn chúng tôi. Mọi người đã gọi cô là "dâu của tiểu đoàn". Đó là thời gian ngắn ngủi chúng tôi sống trong hạnh phúc của những người yêu nhau. Rồi Bắc quay về Phù Linh. Tháng 1/1953, Tiểu đoàn 64 của tôi đang phải đương đầu với một trận càn của một binh đoàn Pháp. Trước trận đánh, người chỉ huy của tôi đùa: "Sau trận này sẽ duyệt cho thằng Khanh về cưới vợ". Anh em ai cũng mừng cho tôi, chẳng ai ngờ sau đó ít phút người chỉ huy đó đã hy sinh vì đạn pháo của địch. Và phải 1 năm sau tôi mới có dịp đi tìm Bắc ở vùng tự do Hồng Kỳ. Nói đến chuyện làm lễ cưới chúng tôi đều khóc. Hoàn cảnh chiến tranh khốc liệt, chúng tôi lại chẳng có tiền mua thuốc nước mời bạn bè, đồng đội. Bắc trở về hậu địch gặp mẹ. Và thật bất ngờ, mẹ Bắc đã công theo cậu em út từ hậu địch ra mang theo bánh kẹo để chúng tôi làm lễ cưới. Đêm đó chúng tôi được mọi người chuẩn bị cho một ổ rom trên đồi. Hai ngày sau chúng tôi lại chia tay nhau và đó là cuộc chia ly vĩnh viễn..."

Chợt nhớ câu "Phiên chợ Phù Linh ai cũng bảo/Em còn trẻ lắm nhất làng trong/Mấy năm cô ấy làm du kích/Không hiểu vì sao chẳng lấy chồng", tôi thắc mắc, tại sao trong bao năm, không thấy ai nói chuyện cô Bắc năm xưa có chồng? Ông Khanh cười buồn: Chúng tôi cưới nhau ở vùng tự do, quê hương ở vùng địch hậu nên ít người biết ngoài những người thân thích. Và lại tiếng là cưới nhưng cũng chỉ được sống cuộc sống vợ chồng có 2 ngày thôi. Sau này, người ta cũng đinh ninh như thế, tôi cũng chẳng giải thích. Nhắc lại chỉ một chuyện đau buồn. Năm 1975, tôi tìm gặp nhà thơ Vũ Cao để cảm ơn ông, nhà thơ lúc đó cũng mới kêu lên: "Thế Bắc có chồng rồi à?"

Sau 3 tháng kể từ ngày cưới, ông Khanh nhận được một lúc 3 lá thư, 1 lá của đồng đội, một của vợ ông nhắn đã gửi cho ông chiếc đồng hồ và cái áo len, 1 lá của nhà báo tin vợ ông đã hy sinh. Ông đau đớn đến lặng người, nhưng hoàn cảnh kháng chiến nên phải đến hoà bình lập lại ông mới được trở về tìm mộ vợ.

Chiều hôm ấy, những người dân thấy một anh bộ đội thờ thẫn bên gò Cầu Cồn. Người em của liệt sỹ Trần Thị Bắc nhận ra anh rồi, khóc oà. Kể về ngày đó, ông Khanh nghẹn ngào không nói thành lời. Ông đọc cho chúng tôi nghe khổ thơ: Anh ngược nhìn lên hai dốc núi/Hàng cây, bờ cỏ, con đường quen/ Nặng lại bỗng dưng mờ bóng khói/Núi vẫn đôi mà anh mất em. Chưa hề gặp người lính cụ Hồ năm nào đã yêu người liệt nữ nhưng sự hình dung của nhà thơ đã nói được những gì thổn thức trong lòng ông Khanh.

Sau này, khi nỗi buồn nguôi đi, chính mẹ vợ ông, tức mẹ đẻ của liệt sỹ Trần Thị Bắc đã thân chinh đi hỏi vợ lần nữa cho ông. Ông Khanh kết hôn lần thứ hai với em gái một đồng đội đã hy sinh. Người đàn bà thứ hai trong đời ông, thật may, là người hiểu lẽ đời và sống có tình có nghĩa. Bà đã về quê bà Bắc, gặp gỡ họ mạc và các cụ thân sinh ra người đã khuất. Ai cũng quý mến và xem hai vợ chồng bà như người trong nhà. Bây giờ khi đã ngoài 70, không thể đi lại nhiều, ông Khanh vẫn cho các con về Núi Đôi vào các dịp giỗ Tết.

Ông Trần Văn Nhuận, người em út đã chứng kiến đám cưới của anh chị mình bù ngùi kể: "Anh tôi (ông Khanh) là người chu đáo, người vợ sau này cũng rất tốt. Giờ đây chúng tôi không chỉ coi anh ấy như là anh rể mà coi anh ấy như là ruột thịt". Một lần đài truyền hình về Sóc Sơn quay phóng sự và khẳng định: Liệt sỹ Trần Thị Bắc là liệt sỹ cô đơn không ai cúng giỗ". Những người em của bà Bắc đã khăn gói lên nhà anh rể vào đúng ngày giỗ chị. Họ thấy trên bàn thờ mâm cơm ngát mùi khói hương và lặng lẽ khóc.

Những thêu dệt về thân thể của người liệt nữ vẫn không chấm dứt. Bà đã đi vào phim với một hình ảnh được thêu dệt như thế. Nhưng ít ai biết có một đời thực không tô vẽ, phóng đại vẫn đẹp mãi giữa cuộc sống thường ngày này và đẹp cả trong tình cảm âm áp của người thân còn sống.